TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 29 - 8 - 2018
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út
Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLPT/HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 45/2018/HNGĐ-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Đoàn Quốc H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Huỳnh Công D –** Văn phòng luật sư Huỳnh Công D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn*: Chị **Đoàn Thị Bích Th**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà **Lê Thị Bảo Ch**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Đường Q, phường R, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ngân hàng TMCP B**

Địa chỉ: Đường N, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Ông **Phạm Ngọc M**

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau

Người đại diện cho ông M: Anh **Phan Hoàng B**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Đường Đ, khóm M, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

3. Bà **Tô Thị D**, sinh năm 1940 (Vắng mặt).

4. Ông **Đoàn Thanh H**, sinh năm 1931 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

5. Ông **Đoàn Thanh T**, sinh năm 1945

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn anh Đoàn Quốc H, bị đơn chị Đoàn Thị Bích Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2015 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đoàn Quốc H trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2014 anh H và chị Đoàn Thị Bích Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Cả hai người đã ly thân hơn 02 năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn nên anh H yêu cầu ly hôn với chị Th.

Về con chung: Không có

Về chia tài sản chung: Anh H và chị Th có tài sản chung là 01 xe ô tô tải biển số 69C-00578 hiệu SYMT880 do Đoàn Quốc H đứng tên, theo định giá là 74.109.960 đồng, chị Th đang quản lý. Tiền hốt hụi của ông Phạm Ngọc M 367.000.000 đồng (trừ tiền mua xe, tiền mua than và đóng hụi) còn lại 80.000.000 đồng mua 10 tấn than chị Th quản lý. Anh H yêu cầu chia đôi giá trị xe ô tô theo kết luận định giá.

Về nợ chung: Nợ chung của vợ chồng gồm nợ hụi của ông Phạm Ngọc M 410.000.000 đồng; nợ Ngân hàng TMCP B 200.000.000 đồng, hiện nay còn 96.666.677 đồng và nợ bà Tô Thị D mẹ ruột anh H 70.000.000 đồng. Chị Th yêu cầu chia nợ chung ông Phạm Ngọc M và Ngân hàng Sacombank, anh H không đồng ý. Lý do số tiền hốt hụi của ông M, anh H và chị Th đã mua 10 tấn than do chị Th đang quản lý. Nợ Ngân hàng Sacombank là của chị Th vay trước khi anh H về chung sống với chị Th. Sau khi đám cưới, anh ký tên vào hợp đồng vay đáo hạn, thực tế anh không biết số nợ này. Vì vậy hai khoản nợ này, chị Th tự chịu.

Theo đơn phản tố ngày 12/11/2015 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Đoàn Thị Bích Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Th thống nhất với trình bày của anh Đoàn Quốc H về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh yêu cầu ly hôn, chị Th đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về chia tài sản chung: Chị Th và anh H có chung 01 căn nhà tại khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau; 01 bộ salon, 01 bộ giường kỷ, 01 tủ gỗ. Anh H

đang quản lý toàn bộ tài sản trên, chị Th yêu cầu chia đôi và anh H phải hoàn lại cho chị Th ½ giá trị theo định giá tài sản.

Về tài sản riêng: 01 chiếc xe ô tô tải biển số 69C-00578 hiệu SYMT880 do Đoàn Quốc H đứng tên. Xe này chị Th mua lại của anh Tô Thanh T vào năm 2013 với giá 130.000.000 đồng trước khi chị Th về chung sống với anh H nên không đồng ý chia theo yêu cầu của anh H.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh H có nợ hụi của ông Phạm Văn Mừng 410.000.000 đồng; nợ Ngân hàng Sacombank 200.000.000 đồng. Còn số nợ bà Tô Thị D 70.000.000 đồng, chị Th đã trả xong. Chị Th yêu cầu anh H có trách nhiệm trả nợ hụi ông M, còn chị Th trả nợ Sacombank. Vì khoản nợ Sacombank chị Thuỷ trực tiếp trả dần đến nay và hiện còn nợ khoản 90.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 04/11/2016, tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2018, anh Trương Minh Luân - Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B trình bày:

Năm 2015, anh Đoàn Quốc H và chị Đoàn Thị Bích Th có ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng TMCP B (gọi tắt là Sacombank) với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BB432704, diện tích 236,25m^2 tại ấp A, xã L, huyện T tỉnh Cà Mau do Đoàn Thị Bích Th đứng tên được UBND huyện T cấp ngày 21/10/2010.

Quá trình vay vốn, chị Th đã thanh toán vốn, lãi cho Sacombank và còn nợ tính đến ngày 27/3/2018 vốn là 93.333.344 đồng, lãi 842.074 đồng.

Sacombank yêu cầu anh H và chị Th thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng vốn là 93.333.344 đồng, lãi 842.074 đồng và trả lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi dứt nợ. Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp trên đến khi anh H, chị Th thanh toán xong nợ.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 25/02/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Ngọc M và tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2018, anh Phan Hoàng B - Đại diện theo ủy quyền của ông M trình bày:

Năm 2015 âl, anh H và chị Th có tham gia chơi 01 chưng hụi do ông Phạm Ngọc M làm chủ, loại hụi 10.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, gồm 55 chưng. Anh H và chị Th đã hốt và đóng hụi chết đến tháng 8/2015 âl là 14 lần, còn nợ lại 41 lần bằng 410.000.000 đồng. Ông M yêu cầu anh H và chị Th cùng chia đôi trách nhiệm trả nợ.

Tại biên bản xác minh ngày 01/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tô Thị D và ông Đoàn Thanh H thống nhất trình bày:

Anh Đoàn Quốc H và chị Đoàn Thị Bích Th chung sống với nhau từ tháng 8-2014 dương lịch.

Năm 2013, anh H bị giải tỏa theo dự án đường Hồ Chí Minh nên không còn đất cất nhà ở. Vì vậy ông bà cho anh H mượn phần đất có diện tích 325m^2 (ngang 05m, dài 65m) tọa lạc tại khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau để xây nhà ở.

Việc cho mượn đất có viết giấy ủy quyền do ông H và con trai là Đoàn Thanh T ký tên.

Sau khi cho mượn đất, anh H tiến hành xây nhà vào tháng 02 năm 2014 âl, hoàn thành ngày 29/3/2014 âl. Ông bà có cho anh H mượn 130.000.000 đồng để xây nhà. Căn nhà này là tài sản riêng của anh H. Nay ông bà không có yêu cầu anh H trả đất và trả tiền mượn. Đồng thời ông bà cũng không có yêu cầu gì đối với anh H và chị Th.

Ông H và bà D xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 01/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đoàn Thanh T trình bày:

Nguồn gốc đất anh H đang ở là của cha anh là ông Đoàn Thanh H. Năm 2013, cha anh cho anh ruột là Đoàn Quốc H mượn phần đất có diện tích 325m^2 (ngang 05m, dài 65m) tọa lạc tại khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau để xây nhà ở. Phần đất này đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn nhà anh H xây dựng trên đất này vào tháng 02/2014 âl. Anh H và chị Th sống chung tháng 8-2014 dl. Căn nhà anh H đang ở là tài sản riêng của anh H, được xây dựng trước khi anh H cưới chị Th. Nguồn tiền xây nhà từ tiền bồi hoàn, giải tỏa đất của anh H và cha mẹ cho mượn thêm.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2017/HNGĐ-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 33, 38, 39, 40, 43 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 143, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa giữa anh Đoàn Quốc H và chị Đoàn Thị Bích Th.

2. Về nuôi con chung: Anh H và chị Th xác định không có nên không xem xét.

3. Về chia tài sản:

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị Th về việc chia tài sản chung là 01 bộ ghế sa lon bằng cây tràm núi trị giá 11.375.000 đồng, 01 giường kỷ bằng cây tràm núi trị giá 5.281.000 đồng, 01 tủ ti vi bằng cây dán ép trị giá 4.062.500 đồng. Tổng cộng 20.718.500 đồng. Giao cho anh H được tiếp tục quản lý những tài sản này. Anh H có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Th ½ giá trị được chia là 10.359.000 đồng (Mười triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Th về việc chia đôi giá trị căn nhà tại khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu của anh H về việc chia tài sản chung là chiếc xe ô tô tải 69C-00578 do anh H đứng tên.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Ngọc M, buộc anh H và chị Th, mỗi người trả cho ông M 205.000.000 đồng (Hai trăm lẽ năm triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP B, buộc chị Th có trách nhiệm trả nợ cho Sacombank 93.333.344 đồng, lãi 842.074 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BB432704, diện tích 236,25m^2 tại ấp A xã L, huyện T tỉnh Cà Mau do Đoàn Thị Bích Th đứng tên được UBND huyện T cấp ngày 21/10/2010 để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Buộc anh H có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Th để trả nợ Sacombank với số tiền là 129.420.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/04/2018 ông Đoàn Quốc H có đơn kháng cáo với nội dung: Phần chênh lệch giá trị nội thất, Phần nợ; yêu cầu chia ½ giá trị chiếc xe và tài sản khác trong quá trình hôn nhân, buộc chị Th trả 35.000.000 đồng cho mẹ anh là bà Tô Thị D. Ngày 20/07/2018 anh H có kháng cáo bổ sung với nội dung yêu cầu xem xét lại phần chiếc xe, phần nợ ngân hàng, nợ ông M. Xét thấy, nội dung kháng cáo bổ sung không vượt quá nội dung kháng cáo ban đầu nên được chấp nhận.Tại phiên Tòa anh H rút lại một phần kháng cáo đối với nội dung giá trị nội thất, phần nợ bà D.

Ngày 10/04/2018 chị Đoàn Thị Bích Th có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu chia ½ giá trị căn nhà. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Th, chấp nhận kháng cáo của anh H. Sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Th đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H, chấp nhận kháng cáo của chị Th, sửa bản án sơ thẩm.

Anh Phan Hoàng B là người đại diện cho ông M, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần nợ liên quan đến ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H và chị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên Tòa phúc thẩm, anh H rút lại một phần kháng cáo về giá trị nội thất và phần nợ của bà Tô Thị D. Xét thấy, việc rút kháng cáo của anh H là tự nguyện nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này.

[2] *Về chia tài sản*: Theo anh H xác định tài sản chung giữa anh H với chị Th là 01 chiếc xe ô tô tải biển số 69C-00578 hiệu SYMT880 do Đoàn Quốc H đứng tên, chị Th đang quản lý nên yêu cầu chị Th hoàn lại ½ giá trị theo định giá tài sản. Chị Th trình bày, xe này là tài sản riêng của chị Th mua của anh Tô Thanh T vào năm 2013 với giá 130.000.000 đồng trước khi chị Th về chung sống với anh H nên không đồng ý chia theo yêu cầu của anh H.

Xét thấy, Tòa án đã làm việc với anh Tô Thanh T là người trực tiếp bán xe cho chị Th xác định: Năm 2012 anh T mua xe ô tô tải xe ô tô tải biển số 69C-00578 của hãng xe Ngọc A – Cà Mau với giá 185.000.000 đồng nhưng có thế chấp tại Ngân hàng Đ. Năm 2013, anh bán xe này lại cho chị Đoàn Thị Bích Th với giá 130.000.000 đồng, có làm giấy tay. Giấy tờ xe còn đang thế chấp Ngân hàng Đ, chị Th trả trước 50.000.000 đồng, còn lại chị Th trả góp cho Ngân hàng hơn 01 năm sau chị Th quen với anh Đoàn Quốc H. Đầu năm 2015, chị đã góp xong cho Ngân hàng Đ và yêu cầu anh lấy giấy tờ xe để làm thủ tục sang tên cho anh H. Anh Dương Văn Q là người lái xe ô tô tải thuê cho chị Th cũng xác định xe ô tô tải biển số 69C-00578 do chị Th mua của anh T ở phường 6, Cà Mau trước khi chị Th quen và sống chung với anh H. Lời trình bày của anh T và anh Q là phù hợp với trình bày của chị Th xác định xe này mua trước khi chung sống với anh H. Mặt khác, tại đơn kháng cáo bổ sung ngày 20/07/2018 của anh H có nội dung *"Nếu cô Th cho là xe của cô Th tôi đồng ý, tôi đứng tên dùm"* . Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H cũng thừa nhận xe của chị Th và hiện chị Th đang trực tiếp quản lý, anh H chỉ cho rằng nguồn tiền mua xe có phần là tài sản chung nhưng anh không có gì chứng minh. Vì vậy, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh H chia tài sản này là đúng.

Đối với yêu cầu của chị Th về việc chia đôi giá trị 01 căn nhà do anh H đang quản lý tại khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau. Theo chị Th xác định là tài sản chung của chị Th và anh H được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Anh H xác định căn nhà là tài sản riêng của anh H được xây dựng trước khi kết hôn với chị Th nên không đồng ý phân chia.

Xét thấy, bà Lê Kim Th là mẹ ruột của chị Th xác định sau khi anh H và chị Th tổ chức đám cưới mới tiến hành xây nhà ở khóm 3, thị trấn Năm Căn, tiền xây nhà này do anh H và chị Th hốt hụi của ông Phạm Ngọc M. Ông Đoàn Thanh H1, bà Tô Thị D và anh Đoàn Thanh T là cha, mẹ và anh ruột của anh H xác định: Căn nhà này là tài sản riêng của anh H, được xây dựng trước khi anh H cưới chị Th, nguồn tiền xây nhà là tiền bồi hoàn, giải tỏa khi nhà nước thu hồi đất của anh H; ông H1, bà D cho anh H mượn thêm tiền để xây nhà.

Tuy nhiên, Tòa án đã xác minh những người hiểu biết về nguồn tiền xây dựng căn nhà có tranh chấp theo yêu cầu của chị Th như: Ông Nguyễn Thanh T, bà Lâm Thị B, ông Nguyễn Thanh P, những người này không biết rõ chị Th có góp

tiền vào việc xây dựng căn nhà có tranh chấp hay không. Trên thực tế Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh H và chị Th là ngày 04 tháng 8 năm 2014. Hơn nữa, tại đơn xác nhận ngày 23/4/2014 của anh Lê Văn D là người trực tiếp xây dựng căn nhà có tranh chấp xác định: *"Nguyên ông Đoàn Quốc H có xây dựng căn nhà tại khu vực 3, khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau vào tháng 02 năm 2014, hoàn thành nhà vào ngày 29-3-2014 âm lịch là đúng sự thật. Tôi cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật, nếu có gì gian dối tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật"*. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th cũng xác định là nhà do anh H trực tiếp đứng ra xây dựng nhưng chị cho rằng nguồn tiền xây dựng có phần đóng góp của chị, nhưng chị không có gì chứng minh. Do đó, án sơ thẩm xác định căn nhà anh H đang ở được xây dựng trước khi anh H và chị Th kết hôn, đây là tài sản riêng, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Th về việc chia đôi giá trị tài sản này là có căn cứ.

[3] Về nợ chung: Anh H và chị Th thống nhất nợ ông Phạm Ngọc M 410.000.000 đồng và nợ vay vốn Ngân hàng Sacombank 200.000.000 đồng và tiền lãi. Ông Phạm Ngọc M có yêu cầu độc lập buộc anh H và chị Th cùng trách nhiệm trả nợ, mỗi người trả ½. Đại diện Sacombank yêu cầu anh H và chị Th cùng trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tính đến thời điểm ngày 27/3/2018 nợ gốc phải trả là 93.333.344 đồng và lãi 842.074 đồng; yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và duy trì tài sản thế chấp quyền sử dụng đất do chị Th đứng tên để đảm bảo thu hồi nợ. Về phía anh H không đồng ý cùng chị Th trả hai khoản nợ này. Anh H cho rằng tiền hốt hụi của ông M, anh H và chị Th đã mua 10 tấn than, do chị Th đang quản lý. Còn nợ Sacombank của chị Th vay trước khi anh H cưới chị Th. Sau khi hai người cưới nhau, chị Th vay đáo hạn và anh H mới ký tên. Thực tế anh H không biết số nợ này.

Xét thấy, đối với khoản nợ của ông Phạm Ngọc M, anh H cho rằng tiền hốt hụi của ông M anh H và chị Th đã mua 10 tấn than, sau khi anh H bỏ đi giao lại cho chị Th quản lý. Tuy nhiên, anh H xác định số than này chị Th đã bán và không có chứng cứ chứng minh. Chị Th xác định tiền hốt hụi ông M để chi tiêu trong gia đình và trả nợ cho bà Tô Thị D, còn lại anh H chi xài cá nhân, không thừa nhận có mua than. Thực tế, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên anh H phải có trách nhiệm cùng chị Th trả nợ là phù hợp. Án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Ngọc M, buộc anh Đoàn Quốc H và chị Đoàn Thị Bích Th, mỗi người có trách nhiệm trả cho ông Phạm Ngọc M ½ bằng 205.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với khoản nợ Sacombank, anh H cho rằng chị Th vay trước khi anh H cưới chị Th và sau khi cưới nhau, chị Th vay đáo hạn do vợ chồng nên anh ký tên vào hồ sơ vay vốn, thực tế đây là nợ riêng của chị Th. Chị Th làm nghề mua bán than và có xe tải, sau khi cưới nhau vợ chồng thống nhất cùng vay Sacombank để có vốn mở rộng mua bán than. Còn khoản vay Sacombank trước đây chị đã thanh toán xong. Theo hồ sơ vay vốn Sacombank đã có giải ngân và anh H trực tiếp ký tên. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H cho rằng khi vay tiền có sử dụng để trả nợ riêng của chị Th vay trước đây. Thấy rằng, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh H cùng nhau đứng ra giao dịch với Ngân hàng, nếu có dùng tiền này để trả khoản nợ trước

đây cho chị Th cũng là sự tự nguyện của anh H trong quá trình hôn nhân nhưng về trách nhiệm trả nợ anh H vẫn có trách nhiệm liên đới cùng với chị Th. Do đó, án sơ thẩm buộc anh H phải hoàn lại ½ là có căn cứ.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H và chị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của anh H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm anh H và chị Th phải chịu theo quy đinh của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Đoàn Quốc H; Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Đoàn Thị Bích Th; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 45/2018/HNGĐ-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện T. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần giá trị tài sản nội thất và nợ bà Tô Thị D.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 33, 38, 39, 40, 43 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 143, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa giữa anh Đoàn Quốc H và chị Đoàn Thị Bích Th.

2. Về chia tài sản:

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị Th về việc chia tài sản chung là 01 bộ ghế sa lon bằng cây tràm núi trị giá 11.375.000 đồng, 01 giường kỷ bằng cây tràm núi trị giá 5.281.000 đồng, 01 tủ ti vi bằng cây dán ép trị giá 4.062.500 đồng. Tổng cộng 20.718.500 đồng. Giao cho anh H được tiếp tục quản lý những tài sản này. Anh H có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Th ½ giá trị được chia là 10.359.000 đồng (Mười triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Th về việc chia đôi giá trị căn nhà tại khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu của anh H về việc chia tài sản chung là chiếc xe ô tô tải 69C-00578 do anh H đứng tên.

3. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Ngọc M, buộc anh H và chị Th, mỗi người trả cho ông M 205.000.000 đồng (Hai trăm lẽ năm triệu đồng).

Kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H và chị Th không tự nguyện thi hành khoản nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP B, buộc chị Th có trách nhiệm trả nợ cho Sacombank 93.333.344 đồng, lãi 842.074 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BB432704, diện tích 236,25m^2 tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau do Đoàn Thị Bích Th đứng tên được UBND huyện T cấp ngày 21/10/2010 để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Buộc anh H có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Th để trả nợ Sacombank với số tiền là 129.420.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H không tự nguyện thi hành khoản tiền này thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Án phí phúc thẩm: Chị Th và anh H mỗi người phải chịu 300.000 đồng, ngày 06/04/2018 anh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng lai số 0008023 được chuyển thu. Ngày 12/04/2018 chị Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng lai số 0008045 được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Minh Tấn